

Bản án số: 111/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN HẢI**

2. Ông **MÃ THANH TRUNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ H**, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN NGỌC SƠN V**, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ B, khu D, thị trấn M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 14/02/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do quen biết nên chị và anh V kết hôn vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh V không quan tâm gia đình. Anh chị chính thức ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh V.

Con chung: Có một cháu tên Nguyễn Ngọc Ngân T, sinh ngày 27/11/2014, hiện đang sống với anh V. Nay chị cũng đồng ý để cháu T cho anh V nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai ghi ngày 19/6/2017, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Sơn V trình bày:

Do quen biết nên anh và chị H kết hôn vào năm 2014, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hai năm sau khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn

và anh chị chính thức ly thân từ tháng 9/2016 đến nay. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có một cháu Nguyễn Ngọc Ngân T, sinh ngày 27/11/2014, hiện đang sống với anh. Nay anh cũng yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung đều không có. Đồng thời, anh V có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Sơn V có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Ngọc Sơn V có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, chị H trình bày do quen biết nên chị và anh V đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh V không quan tâm gia đình, vợ chồng thường cãi vã. Anh chị chính thức ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, anh chị chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn từ khi kết hôn đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Đồng thời, căn cứ vào tờ tự khai mà anh V cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H. Hơn nữa, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng cả hai xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2014 đến nay mà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Cho nên, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị H và anh V không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Có một cháu tên Nguyễn Ngọc Ngân T, sinh ngày 27/11/2014, hiện đang sống với anh V. Xét thấy, tiếp tục giao cháu T cho anh V nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, trước giờ cháu T đã sống ổn định với anh V do đó để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu. Bên cạnh đó, căn cứ vào văn bản ý kiến xác nhận của đại diện địa phương mà đương sự cung cấp cho rằng cháu T đang sống với cha nên để cha tiếp tục nuôi là tốt. Từ đó, tiếp tục giao con chung cho anh V nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự đều trình bày không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] *Về cấp dưỡng*: Đương sự không yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc Sơn V là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Ngân T, sinh ngày 27/11/2014 cho anh V nuôi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Toà án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 06988 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

